

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2018
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN D A
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- * Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
- * Các hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Phan Thị Hồng
 2. Ông Nguyễn Hoàng Thanh

- Thư ký ghi biên bản: Bà Mai Nữ Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 132/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Thu V** – Sinh năm: 1963.

HKTT: TDP L – phường N – thành phố R.

Nơi ở hiện nay: TDP Trà Long 2 – phường N – thành phố R (Có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc A** - Sinh năm: 1962.

HKTT: TDP L – phường N – thành phố R.

Nơi ở hiện nay: TDP T – phường N – thành phố R (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 11 năm 2017, bản tự khai ngày 22 tháng 11 năm 2017, phiên hòa giải ngày 05 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu V trình bày:* Vào năm 1984, bà và ông Nguyễn Ngọc a tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện R (nay là thành phố R), tỉnh Khánh Hòa) theo giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển sổ 01 ngày 15 tháng 11 năm 1984. Quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2017 thì xảy

ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau, ông a hành hung bà. Nay tình cảm vợ chồng không còn, các mâu thuẫn không thể giải quyết nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông a.

Bà Phạm Thị Thu V và ông Nguyễn Ngọc a có 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 28/1/1987 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 26/7/1991. Hai con chung đã trưởng thành nên bà Phạm Thị Thu V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị Thu V không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Bà Phạm Thị Thu V và ông Nguyễn Ngọc a không có nợ chung.

** Tại bản tự khai ngày 28 tháng 11 năm 2017, phiên hòa giải ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị đơn ông Nguyễn Ngọc a trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà V về quá trình tìm hiểu, kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Nay bà V yêu cầu ly hôn ông a không đồng ý vì ông vẫn rất thương yêu vợ con.*

Ông và bà Phạm Thị Thu V có 02 con chung là: Nguyễn Thị P, sinh ngày 28/1/1987 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 26/7/1991. Hai con chung đã trưởng thành nên ông a không yêu cầu tòa giải quyết.

Vợ chồng không có nợ chung, tự thỏa thuận về tài sản chung nên ông a không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc thụ lý vụ án cũng như quá trình xây dựng lập hồ sơ, xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục; nguyên đơn đã tuân thủ đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Ngọc a không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thu V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Phạm Thị Thu V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Ngọc a. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ngọc a vắng mặt nhưng ông a đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông a.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu V và ông Nguyễn Ngọc a tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện R (nay là thành phố R), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển sổ 01 ngày 15 tháng 11 năm 1984 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà Phạm Thị Thu V cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, ông a hành hung bà, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông a cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, ông vẫn yêu thương vợ con. Tuy nhiên ông a cố tình vắng mặt tại phiên tòa, thể hiện không có thiện chí hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống. Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị Thu V yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Ngọc a là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Phạm Thị Thu V và ông Nguyễn Ngọc a có 02 con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 28/1/1987 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 26/7/1991. Hai con chung đã trưởng thành, bà V và ông a không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thu V và ông Nguyễn Ngọc a tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị Thu V phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu V được ly hôn ông Nguyễn Ngọc a.
2. Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành, bà Phạm Thị Thu V và ông Nguyễn Ngọc a không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.
3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thu V và ông Nguyễn Ngọc a tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.
4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu V phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012008 ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố R. Như vậy, bà Phạm Thị Thu V đã nộp đủ án phí.

Bà Phạm Thị Thu V có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc a vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP R;
- CCTHADS TP R;
- UBND phường N;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hằng